TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1613/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-11-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1112/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 554/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 585/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1997; địa chỉ: đường B, Tổ X, Ấp Y, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1995; địa chỉ: đường T, Tổ Z, ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được nên ông bà đã sống ly thân mỗi người một nơi,

không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn nói chuyện hay trao đổi bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong cuộc sống với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Lê Thiện N, sinh ngày 04/9/2016 và Nguyễn Lê Thiên A, sinh ngày 08/7/2018, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 04/10/2022, nguyên đơn rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1.Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 thì việc bà Bà Lê Thị Thu N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2016 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thu N và ông Nguyễn Văn A là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục cuộc sống chung và yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ bị đơn không còn quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và không có thiện chí, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống. Các bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao) số 98 ngày 12/9/2016 và Giấy khai sinh (bản sao) số 299 ngày 18/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Lê Thiện N, sinh ngày 04/9/2016 và Nguyễn Lê Thiên A, sinh ngày 08/7/2018.

Xét thấy, các con chung đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, các trẻ đều ở độ tuổi còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ nên giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có lợi cho sự phát triển của các trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút lại yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, xét thấy, đây là sự tự

nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về tiền cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã đánh giá chứng cứ toàn diện và phân tích đúng nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2016 hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: giao 02 con chung Nguyễn Lê Thiện N, sinh ngày 04/9/2016 và Nguyễn Lê Thiên A, sinh ngày 08/7/2018 cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Thị Thu N không yêu cầu ông Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi con

Ông Nguyễn Văn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Lê Thị Thu N phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0045115 ngày 25/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà Lê Thị Thu N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài